Himel

The Right Choice!

Sự lựa chọn tối ưu!

Bảng giá 06 - 2014

Himel

The Right Choice!

Himel là thương hiệu Châu Âu, ra đời năm 1958 tại Tây Ban Nha.

Với hơn 50 kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu và chế tạo, Himel là một trong những nhà sản xuất thiết bị điện lớn của Châu Âu .

Himel cam kết đem đến cho khách hàng trên toàn cầu các sản phẩm có chất lượng tốt cùng với mức giá phù hợp nhất có thể tại thị trường.

Sản phẩm Himel được thiết kế phục vụ cho các thị trường : Dân dụng, Công Nghiệp, Cao ốc, Năng lượng và Cơ sở hạ tầng.

Ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, quy trình quản lý nhà cung cấp chuyên nghiệp và hệ thống quản lý phân phối hoàn toàn tự động. Himel tự hào cung cấp các sản phẩm chất lượng và dịch vụ tốt đến khách hàng trên toàn cầu.

- Sản phẩm mới.....Trang 1
- Chứng nhận chất lượng quốc tế, Quatest 3 & Trung Tâm Thí Nghiệm Điện Miền Nam...Trang 2
- Cầu dao tự động MCB 4500 & 6000A.....Trang 3
- Cầu dao tự động MCB 10000A.....Trang 4
- Cầu dao chống dòng rò và quá tải RCCB, RCBO.....Trang 5
- Safety breaker (Cầu dao cóc) và Tủ phân phối MCB .....Trang 6
- Thiết bị chống sét lan truyền và Contactor dạng tép.....Trang 7
- Cầu dao tự động dạng khối dòng cắt tiêu chuẩn 3P MCCB .....Trang 8
- Cầu dao tự động dạng khối dòng cắt cao 3P MCCB .....Trang 9
- Cầu dao tự động dạng khối dòng cắt cao 2P & 4P MCCB.....Trang 10
- Phụ kiện MCCB.....Trang 11
- Cầu dao tự động chống dòng rò dạng khối 3P & 4P ELCB.....Trang 12
- Cầu dao tự động dạng khối - có chỉ định 3P & 4P MCCB (HDM6S) .....Trang 13
- Máy cắt không khí ACB .....Trang 14
- Phụ kiện ACB.....Trang 15
- Contactor HDC6 và Motor protector HDP6.....Trang 16
- Relay nhiệt HDR6, Phụ kiện Contactor.....Trang 17
- Công tắc xoay, Nút nhấn, Đèn báo pha..... Trang 18
- Phích cắm và Ổ cắm công nghiệp.....Trang 19

1. Safety breaker (cầu dao cóc)

NEW

- Dãy sản phẩm được thiết kế cho ứng dụng từ: 6A đến 32A
- Vui lòng xem trang 6 để biết thêm chi tiết

2. Cầu dao tự động MCB-HDB9 dòng cắt 10kA

NEW

- Dãy sản phẩm được thiết kế cho ứng dụng từ: 1A đến 63A - Số cực từ 1P đến 4P
- Đơn giản trong lựa chọn, lắp đặt, lưu kho
- Vui lòng xem trang 4 để biết thêm chi tiết

3. Cầu dao chống dòng rò RCCB-HDB6VR

NEW

- Dãy sản phẩm được thiết kế cho ứng dụng từ: 10A đến 100A, với dòng rò đa dạng sử dụng 30mA đến 100mA
- Loại 2P - 4P
- Vui lòng xem trang 5 để biết thêm chi tiết

4. Motor protector HDP6

NEW

- Dãy sản phẩm được thiết kế cho ứng dụng dòng cài đặt từ: 0,1A đến 32A
- Tích hợp nhỏ gọn, đơn giản trong lắp đặt và lưu kho
- Vui lòng xem trang 16 để biết thêm chi tiết

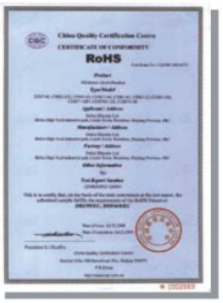

ĐẠT CHỨNG NHẬN DO TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1 & 3 VÀ GIẤY PHÉP LÊN LƯỚI ĐIỆN LỰC

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60898
- Khả năng ngắt mạch Icu = 4500A & 6000A
- Điện áp : 230/400 VAC
- Số cực : 1P, 2P, 3P, 4P
- Loại đường cong C
- Cửa sổ hiển thị On/Off

Cửa sổ hiển thị trạng thái

Hình ảnh	Số cực	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1P	6	HDB6SN1C6	59.800
		10	HDB6SN1C10	59.800
		16	HDB6SN1C16	59.800
		20	HDB6SN1C20	59.800
		25	HDB6SN1C25	59.800
		32	HDB6SN1C32	59.800
		40	HDB6SN1C40	59.800
		50	HDB6SL1C50	59.800
		63	HDB6SL1C63	59.800
	2P 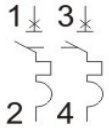	6	HDB6SN2C6	126.800
		10	HDB6SN2C10	126.800
		16	HDB6SN2C16	126.800
		20	HDB6SN2C20	126.800
		25	HDB6SN2C25	126.800
		32	HDB6SN2C32	126.800
		40	HDB6SN2C40	126.800
		50	HDB6SL2C50	126.800
		63	HDB6SL2C63	126.800
	3P 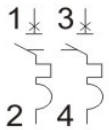	6	HDB6SN3C6	204.800
		10	HDB6SN3C10	204.800
		16	HDB6SN3C16	204.800
		20	HDB6SN3C20	204.800
		25	HDB6SN3C25	204.800
		32	HDB6SN3C32	204.800
		40	HDB6SN3C40	204.800
		50	HDB6SL3C50	204.800
		63	HDB6SL3C63	204.800
	4P 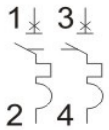	6	HDB6SN4C6	359.800
		10	HDB6SN4C10	359.800
		16	HDB6SN4C16	359.800
		20	HDB6SN4C20	359.800
		25	HDB6SN4C25	359.800
		32	HDB6SN4C32	359.800
		40	HDB6SN4C40	359.800
		50	HDB6SL4C50	359.800
		63	HDB6SL4C63	359.800

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60898, 60947-2
- Khả năng ngắt mạch Icu = 10,000A
- Điện áp : 230/400 VAC
- Số cực : 1P, 2P, 3P, 4P
- Loại đường cong C, đóng cắt nhanh
- Cửa sổ hiển thị On/Off
- Kích thước : 18mm & 27mm

Cửa sổ hiển thị trạng thái

Hình ảnh	Số cực	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1P 10kA 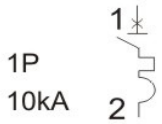	6	HDB9H631C6	88.800
		10	HDB9H631C10	88.800
		16	HDB9H631C16	88.800
		20	HDB9H631C20	88.800
		25	HDB9H631C25	88.800
		32	HDB9H631C32	88.800
		40	HDB9H631C40	88.800
		50	HDB9H631C50	105.800
		63	HDB9H631C63	105.800
		80	HDB2H1C80	166.800
		100	HDB2H1C100	166.800
		125	HDB2H1C125	196.800
	2P 10kA 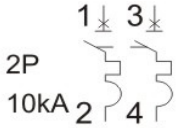	6	HDB9H632C6	188.800
		10	HDB9H632C10	188.800
		16	HDB9H632C16	188.800
		20	HDB9H632C20	188.800
		25	HDB9H632C25	188.800
		32	HDB9H632C32	188.800
		40	HDB9H632C40	188.800
		50	HDB9H632C50	220.800
		63	HDB9H632C63	220.800
		80	HDB2H2C80	360.800
		100	HDB2H2C100	369.800
		125	HDB2H2C125	396.800
	3P 10kA 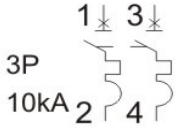	6	HDB9H633C6	305.800
		10	HDB9H633C10	305.800
		16	HDB9H633C16	305.800
		20	HDB9H633C20	305.800
		25	HDB9H633C25	305.800
		32	HDB9H633C32	305.800
		40	HDB9H633C40	305.800
		50	HDB9H633C50	391.800
		63	HDB9H633C63	391.800
		80	HDB2H3C80	584.800
		100	HDB2H3C100	584.800
		125	HDB2H3C125	636.800
	4P 10kA 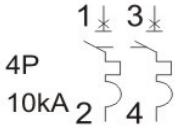	6	HDB9H634C6	469.800
		10	HDB9H634C10	469.800
		16	HDB9H634C16	469.800
		20	HDB9H634C20	469.800
		25	HDB9H634C25	469.800
		32	HDB9H634C32	469.800
		40	HDB9H634C40	469.800
		50	HDB9H634C50	545.800
		63	HDB9H634C63	545.800
		80	HDB2H4C80	744.800
		100	HDB2H4C100	744.800
		125	HDB2H4C125	843.800

CẦU DAO CHỐNG RÒ RCCB

Himel The Right Choice!

- Cách ly, đóng ngắt, chống dòng rò điện
- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 61008
- Điện áp : 230/400 VAC
- Số cực : 2P, 4P
- Dòng rò IΔn = 30mA, 100mA

Hình ảnh	Số cực	Dòng rò (mA)	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	2P	30mA	10	HDB6VR210SC	488.800
			16	HDB6VR216SC	488.800
			25	HDB6VR225SC	488.800
			40	HDB6VR240SC	488.800
			63	HDB6VR263SC	488.800
			80	HDB6VR280SC	678.800
			100	HDB6VR2100SC	678.800
		100mA	10	HDB6VR210YC	576.800
			16	HDB6VR216YC	576.800
			25	HDB6VR225YC	576.800
			40	HDB6VR240YC	576.800
			63	HDB6VR263YC	576.800
			80	HDB6VR280YC	788.800
			100	HDB6VR2100YC	788.800
	4P	100mA	10	HDB6VR410YC	788.800
			16	HDB6VR416YC	788.800
			25	HDB6VR425YC	788.800
			40	HDB6VR440YC	788.800
			63	HDB6VR463YC	788.800
			80	HDB6VR480YC	999.800
			100	HDB6VR4100YC	999.800

CẦU DAO CHỐNG RÒ & QUÁ TẢI RCBO

Himel The Right Choice!

- Bảo vệ chống dòng rò & Quá tải
- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 61009
- Điện áp : 230/400 VAC
- Dòng cắt Icu = 4500A

Hình ảnh	Số cực	Dòng rò (mA)	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1P + N	30mA	6	HDB6PLEC6	526.800
			10	HDB6PLEC10	526.800
			16	HDB6PLEC16	526.800
			20	HDB6PLEC20	526.800
			25	HDB6PLEC25	526.800
			32	HDB6PLEC32	526.800
			40	HDB6PLEC40	526.800

SAFETY BREAKER - CẦU DAO CÓC

- Phù hợp tiêu chuẩn Quốc tế
- Điện áp : 110 / 230 VAC
- Khả năng ngắt mạch Icu : 110VAC / 2500A ; 230VAC / 2000A
- Số cực : 2P
- Loại đường cong C

Hình ảnh	Số cực	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	2P	6	HDRN32C6WG	56.800
		10	HDRN32C10WG	56.800
		16	HDRN32C16WG	56.800
		20	HDRN32C20WG	56.800
		25	HDRN32C25WG	56.800
		32	HDRN32C32WG	56.800

TỦ PHÂN PHỐI MCB

Himel The Right Choice!

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60439-1, IEC 60670
- Bảo vệ theo cấp IP30
- Khả năng chứa từ 4 đến 36 module
- Sử dụng chất liệu nhựa chống cháy

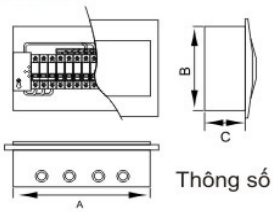

Thông số kích thước thân tủ

Hình ảnh	Mô tả (A x B x C)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Tủ nhựa âm tường 4 module (126x200x90)	HDPZ50PR4IP30F	108.800
	Tủ nhựa âm tường 6 module (162x200x90)	HDPZ50PR6IP30F	166.800
	Tủ nhựa âm tường 8 module (198x200x90)	HDPZ50PR8IP30F	255.800
	Tủ nhựa âm tường 12 module (270x200x90)	HDPZ50PR12IP30F	318.800
	Tủ nhựa âm tường 15 module (324x200x90)	HDPZ50PR15IP30F	348.800
	Tủ nhựa âm tường 18 module (378x216x90)	HDPZ50PR18IP30F	508.800
	Tủ nhựa âm tường 24 module (261x310x90)	HDPZ50PR24IP30F	808.800
	Tủ nhựa âm tường 36 module (261x441x90)	HDPZ50PR36IP30F	1.080.800

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC61643

Hình ảnh	Số cực	Dòng cắt (kA)	Điện áp (V)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1P	40kA	385V	HDY1401385	434.800
	1P+N			HDY1405385	1.030.800
	3P+N			HDY1406385	2.160.800
	1P	80kA	385V	HDY1801385	1.030.800
	1P+N			HDY1805385	2.160.800
	3P+N			HDY1806385	4.268.800

Lưu ý: Để chọn điện áp 275V vui lòng thay 3 số cuối của mã hàng từ " …385" thành " …275" (Giá bán tương đương).
VD: HDY1401385 ----> HDY1401275

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 61095
- Điện áp : 220V
- Số cực : 2P

Hình ảnh	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	20A 2P 1NO+1NC 230V	HDCH8P20211	396.800
	25A 2P 1NO+1NC 230V	HDCH8P25211	434.800

Lưu ý: Khoảng cách lắp đặt giữa 2 contactor >90mm
Sử dụng tuốc-nơ-vít và lực vặn phù hợp.

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-2
- Khả năng ngắt dòng ngắn mạch tại AC400V : 25kA, 35kA, 50kA
- Số cực : 3P
- Dòng định mức từ : 10A → 800A

NHÓM SẢN PHẨM DÒNG CẮT TIÊU CHUẨN

Hình ảnh	Số cực	Dòng cắt (kA)	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	3P	25kA	10	HDM163L103	636.800
			16	HDM163L163	636.800
			20	HDM163L203	636.800
			25	HDM163L253	636.800
			32	HDM163L323	648.800
			40	HDM163L403	648.800
			50	HDM163L503	648.800
			63	HDM163L633	716.800
		35kA	80	HDM1100L803	766.800
			100	HDM1100L1003	766.800
			125	HDM1225L1253	1.346.800
			160	HDM1225L1603	1.346.800
			180	HDM1225L1803	1.346.800
			200	HDM1225L2003	1.346.800
			225	HDM1225L2253	1.346.800
		50kA	250	HDM1400L2503	2.236.800
			315	HDM1400L3153	3.336.800
			350	HDM1400L3503	3.336.800
			400	HDM1400L4003	3.336.800
			500	HDM1630L5003	6.886.800
			630	HDM1630L6303	6.886.800
			700	HDM1800L7003	7.766.800
			800	HDM1800L8003	7.766.800

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-2
- Khả năng ngắt dòng ngắn mạch tại AC400V : 50kA, 70kA, 85kA
- Số cực : 3P
- Dòng định mức từ : 10A → 1250A

NHÓM SẢN PHẨM DÒNG CẮT CAO

Hình ảnh	Số cực	Dòng cắt (kA)	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	3P	50kA	10	HDM163M103	996.800
			16	HDM163M163	996.800
			20	HDM163M203	996.800
			25	HDM163M253	996.800
			32	HDM163M323	996.800
			40	HDM163M403	996.800
			50	HDM163M503	996.800
			63	HDM163M633	996.800
			80	HDM1100M803	1.080.800
			100	HDM1100M1003	1.080.800
			125	HDM1225M1253	1.966.800
			160	HDM1225M1603	1.966.800
			180	HDM1225M1803	1.966.800
			200	HDM1225M2003	1.966.800
			225	HDM1225M2253	1.966.800
		70kA	250	HDM1400M2503	3.766.800
			315	HDM1400M3153	3.766.800
			350	HDM1400M3503	3.766.800
			400	HDM1400M4003	3.766.800
			500	HDM1630M5003	7.966.800
			630	HDM1630M6303	7.966.800
			700	HDM1800M7003	8.976.800
			800	HDM1800M8003	8.976.800
		85kA	1000	HDM11250M10003	18.866.800
			1250	HDM11250M12503	19.296.800

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-2
- Khả năng ngắt dòng ngắn mạch tại AC400V : 50kA, 70kA
- Số cực : 2P & 4P
- Loại cố định từ : 10A → 800A

NHÓM SẢN PHẨM DÒNG CẮT CAO

Hình ảnh	Số cực	Dòng cắt (kA)	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	2P	50kA	10	HDM1100M102	776.800
			16	HDM1100M162	776.800
			20	HDM1100M202	776.800
			25	HDM1100M252	776.800
			32	HDM1100M322	776.800
			40	HDM1100M402	776.800
			50	HDM1100M502	776.800
			63	HDM1100M632	776.800
			80	HDM1100M802	828.800
			100	HDM1100M1002	828.800
			125	HDM1225M1252	1.010.800
			160	HDM1225M1602	1.010.800
			180	HDM1225M1802	1.010.800
			200	HDM1225M2002	1.010.800
	4P	50kA	10	HDM163M104	1.266.800
			16	HDM163M164	1.266.800
			20	HDM163M204	1.266.800
			25	HDM163M254	1.266.800
			32	HDM163M324	1.266.800
			40	HDM163M404	1.266.800
			50	HDM163M504	1.266.800
			63	HDM163M634	1.266.800
			80	HDM1100M804	1.266.800
			100	HDM1100M1004	1.266.800
			125	HDM1225M1254	1.266.800
			160	HDM1225M1604	2.086.800
			200	HDM1225M2004	2.086.800
			225	HDM1225M2254	2.086.800
		70kA	250	HDM1400M2504	5.208.800
			315	HDM1400M3154	5.208.800
			350	HDM1400M3504	5.208.800
			400	HDM1400M4004	5.208.800
			500	HDM1630M5004	8.966.800
			630	HDM1630M6304	8.966.800
			700	HDM1800M7004	9.686.800
			800	HDM1800M8004	10.366.800

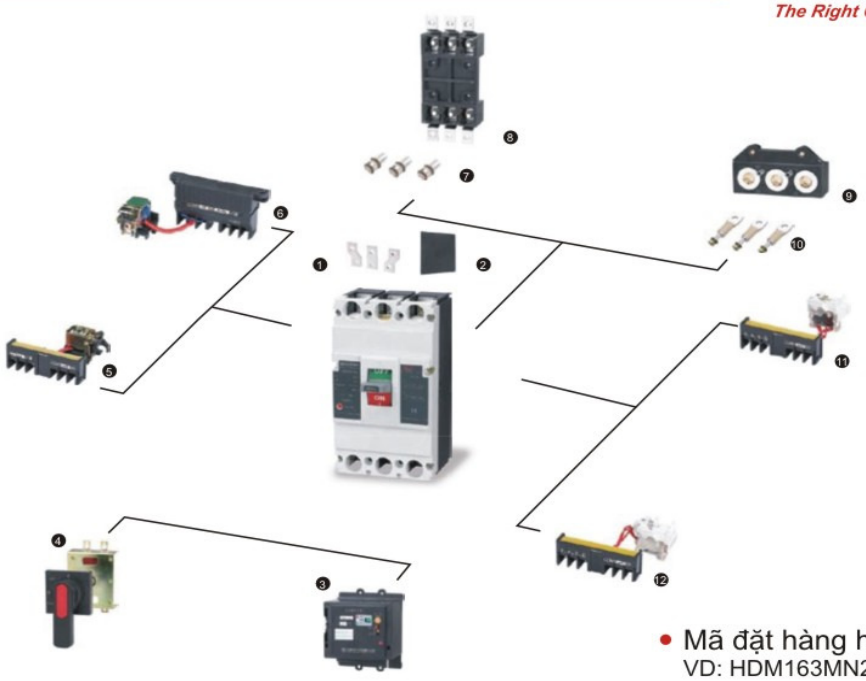

1	Connection
2	Phase partition
3	Motor mechanism (Mô tơ điều khiển)
4	Quadrate handle mechanism (ST)
5	Shunt release (MX)
6	Undervoltage release contactor (MN)
7	Plug-type connection terminal
8	Plug-type front connection
9	Plug-type rear connection
10	Stationary type rear connection
11	Alarm contactor (SD)
12	Auxiliary contactor (OF)

- Mã đặt hàng hoàn chỉnh = Loại MCCB + Mã Hàng
  VD: HDM163MN230D5 = HDM163+MN230D5

Điện áp (V)	Loại MCCB	MN		MX		Motor điều khiển		Tiếp điểm phụ (OF) & báo lỗi (SD)			Cần gạt (TS)	
		Mã hàng	Đơn Giá (VNĐ)	Mã hàng	Đơn Giá (VNĐ)	Mã hàng	Đơn Giá (VNĐ)	Mã hàng (OF)	Mã hàng (SD)	Đơn Giá (VNĐ)	Mã hàng	Đơn Giá (VnĐ)
230	HDM1-63	MN230D5	336.800	MX230D5	622.800	–	–	OFD5	SD5	116.800	TS	347.800
400		MN400D5	336.800	MX400D5	666.800	–	–					
230	HDM1-100	MN230D5	380.800	MX230D5	666.800	MCHAC230D5	1.392.800	OFD5	SD5	160.800	TS	347.800
400		MN400D5	380.800	MX400D5	666.800	MCHAC400D5	1.392.800					
230	HDM1-225	MN230D5	402.800	MX230D5	699.800	MCHAC230D5	1.612.800	OFD5	SD5	226.800	TS	391.800
400		MN400D5	402.800	MX400D5	699.800	MCHAC400D5	1.612.800					
230	HDM1-400	MN230D5	809.800	MX230D5	1.249.800	MCHAC230D5	3.559.800	OFD5	SD5	391.800	TS	435.800
400		MN400D5	809.800	MX400D5	1.249.800	MCHAC400D5	3.559.800					
230	HDM1-630	MN230D5	809.800	MX230D5	1.249.800	MCHAC230D5	3.757.800	OFD5	SD5	391.800	TS	512.800
400		MN400D5	809.800	MX400D5	1.249.800	MCHAC400D5	3.757.800					
230	HDM1-800	MN230D5	809.800	MX230D5	1.249.800	MCHAC230D5	3.779.800	OFLD5	SD5	391.800	TS	554.800
400		MN400D5	809.800	MX400D5	1.249.800	MCHAC400D5	3.779.800	OFRD5				
230	HDM1-1250	MN230D5	2.052.800	MX230D5	2.008.800	MCHAC230D5	3.944.800	OFD5	–	1.172.800	–	–
400		MN400D5	2.052.800	MX400D5	2.008.800	MCHAC400D5	3.944.800					

- Tích hợp chức năng bảo vệ : Quá tải, ngắn mạch và chống dòng rò.
- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-2
- Khả năng ngắt dòng ngắn mạch tại AC400V : 50kA
- Số cực : 3P, 4P
- Dòng rò IΔn = 300mA

Hình ảnh	Số cực	Dòng cắt (kA)	Dòng rò (mA)	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	3P	50kA	300mA	16	HDM1LE100M163T	1.666.800
				20	HDM1LE100M203T	1.666.800
				25	HDM1LE100M253T	1.666.800
				32	HDM1LE100M323T	1.666.800
				40	HDM1LE100M403T	1.666.800
				50	HDM1LE100M503T	1.666.800
				63	HDM1LE100M633T	1.666.800
				80	HDM1LE100M803T	1.666.800
				100	HDM1LE100M1003T	1.666.800
				125	HDM1LE225M1253T	2.936.800
				160	HDM1LE225M1603T	2.936.800
				200	HDM1LE225M2003T	2.936.800
				225	HDM1LE225M2253T	2.936.800
				250	HDM1LE400M2503T	6.466.800
				315	HDM1LE400M3153T	6.466.800
				400	HDM1LE400M4003T	6.466.800
	4P	50kA	300mA	16	HDM1LE100M163TA	2.666.800
				20	HDM1LE100M204TA	2.666.800
				25	HDM1LE100M254TA	2.666.800
				32	HDM1LE100M324TA	2.666.800
				40	HDM1LE100M404TA	2.666.800
				50	HDM1LE100M504TA	2.666.800
				63	HDM1LE100M634TA	2.666.800
				80	HDM1LE100M804TA	2.666.800
				100	HDM1LE100M1004TA	2.666.800
				125	HDM1LE225M1254TA	3.336.800
				160	HDM1LE225M1604TA	3.336.800
				200	HDM1LE225M2004TA	3.336.800
				225	HDM1LE225M2254TA	3.336.800
				250	HDM1LE400M2504TA	6.010.800
				315	HDM1LE400M3154TA	6.010.800
				400	HDM1LE400M4004TA	6.010.800

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-2
- Khả năng ngắt dòng ngắn mạch tại AC415V : 50kA, 70kA
- Số cực : 3P & 4P
- Dòng định mức từ (In) : 16A --> 630A
- Dòng cài đặt hiệu chỉnh từ (Ir) : 0.8/0.9/1.0 In

Hình ảnh	Dòng cắt (kA)	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
			Loại 3P		Loại 4P	
	50KA	16	HDM6S100M0163XXX3	1.778.800	HDM6S100M0164XXX3	2.212.800
		25	HDM6S100M0253XXX3	1.778.800	HDM6S100M0254XXX3	2.212.800
		40	HDM6S100M0403XXX3	1.778.800	HDM6S100M0404XXX3	2.212.800
		63	HDM6S100M0633XXX3	1.778.800	HDM6S100M0634XXX3	2.212.800
		100	HDM6S100M1003XXX3	1.778.800	HDM6S100M1004XXX3	2.212.800
		125	HDM6S250M1253XXX3	1.972.800	HDM6S250M1254XXX3	2.660.800
		160	HDM6S250M1603XXX3	1.972.800	HDM6S250M1604XXX3	2.660.800
		200	HDM6S250M2003XXX3	1.972.800	HDM6S250M2004XXX3	3.556.800
		250	HDM6S250M2503XXX3	1.972.800	HDM6S250M2504XXX3	3.556.800
	70KA	400	HDM6S400M4003XXX3	5.156.800	HDM6S400M4004XXX3	6.556.800
		500	HDM6S630M5003XXX3	7.352.800	HDM6S630M5004XXX3	9.556.800
		630	HDM6S630M6303XXX3	7.352.800	HDM6S630M6304XXX3	9.556.800

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-2
- Khả năng ngắt dòng ngắn mạch tại AC400V : 80kA, 120kA
- Trip Unit loại M, Chức năng bảo vệ L, S, I, Chạm đất
- Phụ kiện bao gồm: MX, XF, Động cơ, Tiếp điểm phụ

Hình ảnh	Loại	Số cực	Dòng cắt ngắn mạch (kA)	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	FIX	3P	80kA	630	HDW620063FHVV56M	41.966.800
				800	HDW620083FHVV56M	43.966.800
				1000	HDW620103FHVV56M	45.966.800
				1250	HDW620123FHVV56M	46.966.800
				1600	HDW620163FHVV56M	48.966.800
				2000	HDW620203FHVV56M	53.966.800
				2500	HDW632253FHVV56M	61.966.800
				3200	HDW632323FHVV56M	72.966.800
		4P	80kA	630	HDW620064FHVV56M	47.966.800
				800	HDW620084FHVV56M	49.966.800
				1000	HDW620104FHVV56M	51.966.800
				1250	HDW620124FHVV56M	55.966.800
				1600	HDW620164FHVV56M	56.966.800
				2000	HDW620204FHVV56M	62.966.800
				2500	HDW632254FHVV56M	72.966.800
				3200	HDW632324FHVV56M	88.966.800
	DRAW OUT	3P	80kA	630	HDW620063DHVV56M	54.966.800
				800	HDW620083DHVV56M	55.966.800
				1000	HDW620103DHVV56M	56.966.800
				1250	HDW620123DHVV56M	57.966.800
				1600	HDW620163DHVV56M	58.966.800
				2000	HDW620203DHVV56M	64.966.800
				2500	HDW632253DHVV56M	73.966.800
				3200	HDW632323DHVV56M	89.966.800
			120kA	4000	HDW663403DHVV56M	206.666.800
				5000	HDW663503DHVV56M	230.666.800
				6300	HDW663633DHVV56M	266.666.800
		4P	80kA	630	HDW620064DHVV56M	61.066.800
				800	HDW620084DHVV56M	62.066.800
				1000	HDW620104DHVV56M	63.066.800
				1250	HDW620124DHVV56M	64.066.800
				1600	HDW620164DHVV56M	66.066.800
				2000	HDW620204DHVV56M	75.666.800
				2500	HDW632254DHVV56M	85.666.800
				3200	HDW632324DHVV56M	98.666.800
			120kA	4000	HDW663404DHVV56M	229.666.800
				5000	HDW663504DHVV56M	249.666.800

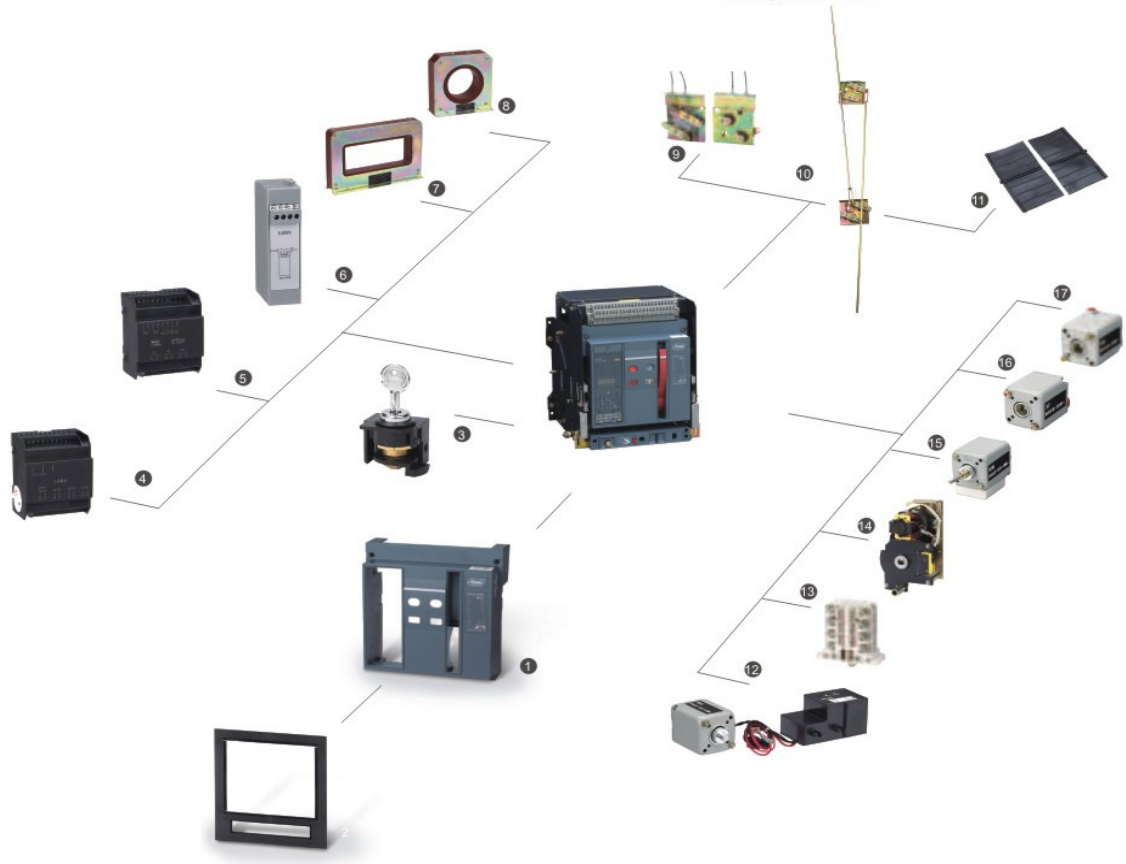

1	Veil	6	DC power supply module	11	Phase barrier	16	Closing release
2	Doorframe	7	Earthing transformer	12	Undervoltage delayed release	17	Shunt release
3	Key lock	8	Leakage transformer	13	Auxiliary contact		
4	Power supply module	9	Cable mechanical interlock	14	Motor mechanism		
5	Relay module	10	Connecting-rod type mechanical interlock	15	Undervoltage release		

Loại	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
ACB FIX	Khóa liên động dạng cáp sử dụng cho 2 ACB	HDW6FL2 (9)	9.972.800
	Khóa liên động dạng cáp sử dụng cho 3 ACB	HDW6FL3 (9)	20.532.800
	Khóa liên động dạng thanh sử dụng cho 2 ACB	HDW6FG2 (10)	23.172.800
	Khóa liên động dạng thanh sử dụng cho 3 ACB	HDW6FG3 (10)	42.532.800
ACB DRAWOUT	Khóa liên động dạng cáp sử dụng cho 2 ACB	HDW6DL2 (9)	9.972.800
	Khóa liên động dạng cáp sử dụng cho 3 ACB	HDW6DL3 (9)	20.532.800
	Khóa liên động dạng thanh sử dụng cho 2 ACB	HDW6DG2 (10)	23.172.800
	Khóa liên động dạng thanh sử dụng cho 3 ACB	HDW6DG3 (10)	42.532.800
Bộ bảo vệ thấp áp dùng chung cho FIX và DRAWOUT	Bộ bảo vệ thấp áp AC230V	HDW6MN2A (15)	2.382.800
	Bộ bảo vệ thấp áp AC400V	HDW6MN3A (15)	2.382.800
	Bộ bảo vệ thấp áp có Relay AC230V	HDW6MNR2A (12)	6.232.800
	Bộ bảo vệ thấp áp có Relay AC400V	HDW6MNR3A (12)	6.232.800

CONTACTOR

Himel The Right Choice!

- Sử dụng cho các động cơ 3 pha, tiêu chuẩn dạng tải AC tần số 50/60hZ (Nhiệt độ <= 60oC).
- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-4-1 • Điện áp : 220/380 VAC • Số cực : 3P

Hình ảnh	Điện áp	Số cực	Công suất (kW)	Dòng định mức (A)	NO	NC	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	AC/220V	3P	4	9	1	1	HDC60911M7	206.800
			5.5	12	1	1	HDC61211M7	246.800
			7.5	18	1	1	HDC61811M7	346.800
			11	25	1	1	HDC62511M7	399.800
			15	32	1	1	HDC63211M7	666.800
			18.5	40	1	1	HDC64011M7	799.800
			22	50	1	1	HDC65011M7	876.800
			30	65	1	1	HDC66511M7	936.800
			37	80	1	1	HDC68011M7	1.366.800
			45	95	1	1	HDC69511M7	1.626.800
			55	115	-	-	HDC611500M7	2.866.800
			75	150	-	-	HDC615000M7	2.906.800
			90	185	-	-	HDC618500M7	3.836.800
			110	225	-	-	HDC622500M7	3.996.800
			132	265	-	-	HDC626500M	5.996.800
			160	330	-	-	HDC633000M	6.966.800
			200	400	-	-	HDC640000M	7.436.800
			250	500	-	-	HDC650000M	14.696.800
			335	630	-	-	HDC663000M	15.546.800

- **Ghi chú:** Để chọn điện áp cuộn hút 380V, vui lòng thay thế ký tự "M" bằng ký tự "Q" (Giá bán tương đương).

MOTOR PROTECTOR

Himel The Right Choice!

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-1, 60947-2 & 60947-4-1
- Điện áp : 400/415 VAC
- Tần số : 50/60Hz
- Số cực : 3P

Hình ảnh	Công suất (kW)	Dòng điện cài đặt (A)	Dòng điện bảo vệ từ (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	-	0.1~0.16A	-	HDP632P16	546.800
	0.06	0.16~0.25A	-	HDP632P25	546.800
	0.09	0.25~0.4A	4.8	HDP632P4	546.800
	0.12	0.4~0.63A	7.56	HDP632P63	546.800
	0.25	0.63~1A	12	HDP6321	546.800
	0.37	1~1.6A	19.2	HDP6321P6	546.800
	0.75	1.6~2.5A	30	HDP6322P5	546.800
	1.5	2.5~4A	48	HDP6324	546.800
	2.2	4~6.3A	75.6	HDP6326P3	546.800
	4	6~10A	120	HDP63210	546.800
	5.5	9~14A	168	HDP63214	606.800
	7.5	13~18A	216	HDP63218	606.800
	11	17~23A	276	HDP63223	606.800
	11	20~25A	300	HDP63225	606.800
	15	24~32A	384	HDP63232	606.800

- Sử dụng cho việc bảo vệ động cơ và bảo vệ pha
- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60947-4-1
- Cấu tạo với lưỡng kim nhiệt ở 3 cực

Hình ảnh	Dòng chỉnh định	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	0.1A~0.15A; 0.12A-0.18A; 0.18A-0.25A	HDR618P15/P18/P25	229.800
	0.25A-0.36A; 0.35A-0.5A; 0.5A-0.7A	HDR618P36/P5/P7	229.800
	0.63A-0.9A; 0.9A-1.2A; 1.2A-1.8A	HDR618P9/1P2/1P8	229.800
	1.8A-2.5A; 2.5A-3.6A; 3.5A-4.8A	HDR6182P5/3P6/4P8	229.800
	4.5A-6.3A; 5A-7A; 6.3A-9A	HDR6186P3/7/9	229.800
	9A-12A; 11A-15A; 14A-18A	HDR61812/15/18	229.800
	Kết hợp cùng contactor HDC9~HDC18		
	6.3A-9A; 9A-12A; 12A-18A	HDR6329/12/18	319.800
	18A-25A; 23A-32A	HDR63225/32	319.800
	Kết hợp cùng contactor HDC25~HDC32		
	18A-25A; 23A-32A; 30A-40A	HDR69525/32/40	529.800
	37A-50A; 48A-65A; 55A-70A	HDR69550/65/70	529.800
	63A-80A; 80A-95A	HDR69580/95	529.800
	Kết hợp cùng contactor HDC40~HDC95		
	90A-115A; 105A-135A; 120A-150A	HDR6185115/135/150	1.136.800
	130A-160A; 150A-185A	HDR6185160/185	1.986.800
	145A-200A; 180A-250A	HDR6630200F/250F	2.206.800
	230A-320A	HDR6630320F	2.326.800
	290A-400A; 350A-480A	HDR6630400F/480F	2.999.800
	460A-630A	HDR6630630F	6.366.000
	Kết hợp cùng contactor HDC115 ~ HDC630		

- **Ghi chú:** Chọn mã hàng đúng của loại chỉnh dòng "0.12A – 0.18A" là "HDR618P18"

Timer

Hình ảnh	Loại	Sơ đồ	Mã hàng	Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
	Making	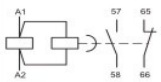	HFT620	Power delay 0.1-3S	292.800
			HFT622	Power delay 0.1-30S	292.800
			HFT624	Power delay 10-180S	292.800
	Breaking	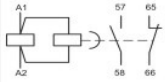	HFT630	Power off delay 0.1-3S	292.800
			HFT632	Power off delay 0.1-30S	292.800
			HFT634	Power off delay 10-180S	292.800

Hình ảnh	Loại	Mã hàng	Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
	1NO+1NC	HFC611	Tiếp điểm phụ loại lắp ở mặt bên	72.800
	1NO+1NC	HFD611	Loại tiếp điểm phụ gắn ở mặt trên	72.800
	2NO+2NC	HFD622	Loại tiếp điểm phụ gắn ở mặt trên	116.800

- Khả năng chịu nhiệt độ: -5°C ~ +40°C
- Phù hợp tiêu chuẩn: IEC 60947-5
- Bảo vệ theo cấp IP55 / IP65
- Màu sắc đa dạng / Tuổi thọ cao

CÔNG TẮC XOAY

Hình ảnh	Màu sắc	Kích thước	Vị trí	NO	NC	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Đen	Long handle Φ22mm	C R	1	1	HLAY711XB2022	48.800
			C R	1	1	HLAY711XB2122	48.800
			L C R	1	1	HLAY711XB3022	48.800
			L C R	2	-	HLAY720XB3022	48.800
			L C R	2	-	HLAY720XB3322	48.800

NÚT NHẤN

	Đen	Φ22mm	-	1	1	HLAY711BN22	48.800
	Xanh lá		-	1	1	HLAY711BN32	48.800
	Đỏ		-	1	1	HLAY711BN42	48.800
	Vàng		-	1	1	HLAY711BN52	48.800
	Xanh dương		-	1	1	HLAY711BN62	48.800
	Đỏ	Emergency Φ22mm	-	0	1	HLAY701ZS42	69.800
			-	1	1	HLAY711ZS42	69.800

ĐÈN BÁO PHA

Hình ảnh	Màu sắc	Điện áp (V)	Đèn báo	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
LED	Xanh lá	AC.DC24V	LED	HLD1122A21B3	48.800
	Đỏ			HLD1122A21B4	48.800
	Vàng			HLD1122A21B5	48.800
	Trắng			HLD1122A21B7	48.800
	Xanh dương			HLD1122A21B8	48.800
	Xanh lá	AC220V	LED	HLD1122A21M3	48.800
	Đỏ			HLD1122A21M4	48.800
	Vàng			HLD1122A21M5	48.800
	Trắng			HLD1122A21M7	48.800
	Xanh dương			HLD1122A21M8	48.800

- Phù hợp tiêu chuẩn IEC 60309-1-2
- Điện áp : 230/400 VAC
- Số cực : 3P, 4P, 5P
- Bảo vệ theo cấp IP44 & IP67

PHÍCH CẮM

Hình ảnh	Dòng định mức (A)	Điện áp (V)	Số cực	Cấp bảo vệ	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	16	AC 230	3P, 6H	IP 44	HDPM316IP44	72.800
		AC 415	4P, 6H		HDPM416IP44	94.800
			5P, 6H		HDPM516IP44	105.800
	32	AC 230	3P, 6H		HDPM332IP44	127.800
		AC 415	4P, 6H		HDPM432IP44	138.800
			5P, 6H		HDPM532IP44	160.800
	63	AC 230	3P, 6H	IP 67	HDPM363IP67	732.800
		AC 415	4P, 6H		HDPM463IP67	765.800
			5P, 6H		HDPM563IP67	787.800
	125	AC 230	3P, 6H		HDPM3125IP67	1.392.800
		AC 415	4P, 6H		HDPM4125IP67	1.722.800
			5P, 6H		HDPM5125IP67	1.942.800

Ổ CẮM CỐ ĐỊNH

Hình ảnh	Dòng định mức (A)	Điện áp (V)	Số cực	Cấp bảo vệ	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	16	AC 230	3P, 6H	IP 44	HDSF316IP44	138.800
		AC 415	4P, 6H		HDSF416IP44	171.800
			5P, 6H		HDSF516IP44	182.800
	32	AC 230	3P, 6H		HDSF332IP44	182.800
		AC 415	4P, 6H		HDSF432IP44	204.800
			5P, 6H		HDSF532IP44	215.800
	63	AC 230	3P, 6H	IP 67	HDSF363IP67	776.800
		AC 415	4P, 6H		HDSF463IP67	809.800
			5P, 6H		HDSF563IP67	842.800
	125	AC 230	3P, 6H		HDSF3125IP67	2.382.800
		AC 415	4P, 6H		HDSF4125IP67	2.492.800
			5P, 6H		HDSF5125IP67	2.602.800

Ổ CẮM NỐI DI ĐỘNG

Hình ảnh	Dòng định mức (A)	Điện áp (V)	Số cực	Cấp bảo vệ	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	16	AC 230	3P, 6H	IP 44	HDSM316IP44	94.800
		AC 415	4P, 6H		HDSM416IP44	127.800
			5P, 6H		HDSM516IP44	138.800
	32	AC 230	3P, 6H		HDSM332IP44	149.800
		AC 415	4P, 6H		HDSM432IP44	171.800
			5P, 6H		HDSM532IP44	237.800
	63	AC 230	3P, 6H	IP 67	HDSM363IP67	864.800
		AC 415	4P, 6H		HDSM463IP67	886.800
			5P, 6H		HDSM563IP67	897.800
	125	AC 230	3P, 6H		HDSM3125IP67	1.832.800
		AC 415	4P, 6H		HDSM4125IP67	2.052.800
			5P, 6H		HDSM5125IP67	2.162.800
	16	AC 230	3P, 6H	IP 44	HDPS316230 Nối 2 ngã	336.800
					HDPS416230 Nối 3 ngã	402.800